

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09 /2013/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 62/TTr-STP ngày 02 tháng 7 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09./2013/QĐ-UBND ngày 09./7/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về đối tượng, phương thức, quy trình và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thuộc trách nhiệm tự kiểm tra của Ủy ban nhân dân tỉnh và thẩm quyền kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Văn bản được kiểm tra và xử lý theo quy định tại Quy chế này gồm:

a) Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố; quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện).

c) Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành (sau đây gọi tắt là văn bản có chứa quy phạm pháp luật ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền).

Điều 2. Mục đích và nội dung kiểm tra văn bản

1. Việc kiểm tra văn bản nhằm phát hiện những nội dung trái pháp luật của văn bản để kịp thời đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời, kiến nghị cơ quan, người

có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra văn bản là việc xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo các nội dung được quy định tại Điều 3 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2010/NĐ-CP) và Điều 3 Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 20/2010/TT-BTP).

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra và xử lý văn bản

1. Việc kiểm tra văn bản, xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được tiến hành thường xuyên, toàn diện, kịp thời; khách quan, công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; kết hợp giữa việc kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền với việc tự kiểm tra của cơ quan ban hành văn bản, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan.

2. Nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng việc kiểm tra văn bản vì mục đích vụ lợi, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của cơ quan, người đã ban hành văn bản và can thiệp vào quá trình xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

3. Sau khi kiểm tra, cơ quan kiểm tra văn bản phải có kết luận về việc kiểm tra và thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản được kiểm tra theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản chịu trách nhiệm về kết luận kiểm tra, xử lý của mình; nếu quyết định xử lý trái pháp luật thì phải khắc phục hậu quả pháp lý do quyết định đó gây ra.

Điều 4. Phương thức kiểm tra văn bản

Việc kiểm tra văn bản được tiến hành bằng các phương thức sau đây:

1. Kiểm tra văn bản do cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản gửi đến.
2. Kiểm tra văn bản khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.
3. Kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn (tại cơ quan ban hành văn bản) hoặc theo ngành, lĩnh vực.

Điều 5. Việc lưu hồ sơ kiểm tra văn bản, theo dõi xử lý văn bản trái pháp luật

Giám đốc Sở Tư pháp chỉ đạo phòng chuyên môn lưu hồ sơ kiểm tra văn bản, theo dõi xử lý văn bản trái pháp luật sau khi thực hiện tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn chỉ đạo phòng pháp chế hoặc công chức pháp chế chuyên trách lưu hồ sơ kiểm tra, theo dõi xử lý văn bản trái pháp luật sau khi thực hiện tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh do đơn vị chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Hồ sơ kiểm tra văn bản gồm: Văn bản trái pháp luật, văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra; phiếu kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật; văn bản xử lý văn bản trái pháp luật; các văn bản, tài liệu khác hình thành trong quá trình kiểm tra văn bản.

“Sổ theo dõi xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật” thực hiện theo mẫu số 02/BTP-KTrVB tại Phụ lục 03 kèm theo Quy chế này để theo dõi quá trình kiểm tra và xử lý văn bản kể từ khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật đến khi có kết luận, văn bản xử lý cuối cùng.

Chương II**TỰ KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****Điều 6. Trách nhiệm tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành ngay sau khi văn bản được ban hành, khi nhận được thông báo của Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản thuộc Bộ Tư pháp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các cơ quan thông tin đại chúng.

Giám đốc Sở Tư pháp là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra văn bản.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm gửi văn bản đến cơ quan kiểm tra

Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi ban hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi đến Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ trì soạn thảo, trình ban hành văn bản để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tự kiểm tra.

Điều 8. Phân công và thực hiện tự kiểm tra văn bản

1. Giám đốc Sở Tư pháp phân công và chỉ đạo phòng chuyên môn thực hiện việc giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản hoặc giao cho Công tác viên thực hiện tự kiểm tra văn bản theo hình thức khoán việc hoặc hợp đồng có thời hạn.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phân công và chỉ đạo phòng pháp chế hoặc công chức pháp chế chuyên trách thực hiện việc tự kiểm tra văn bản do cơ quan mình chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Người kiểm tra văn bản có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, đối chiếu từng nội dung văn bản được kiểm tra với văn bản làm cơ sở pháp lý về các nội dung kiểm tra được quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này để xem xét, đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản được kiểm tra.

Điều 9. Xử lý kết quả tự kiểm tra văn bản

1. Trường hợp văn bản được kiểm tra phù hợp với quy định của pháp luật:

Người kiểm tra văn bản ký tên và ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra vào góc trên, bên phải của văn bản để xác nhận việc thực hiện kiểm tra, thời điểm kiểm tra và lập báo cáo kèm theo danh mục những văn bản đã kiểm tra trình Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn xem xét, xử lý kết quả và ký xác nhận để lưu theo quy định.

2. Trường hợp văn bản được kiểm tra có dấu hiệu trái pháp luật:

a) Người kiểm tra văn bản phải lập “Phiếu kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật” (theo mẫu số 01/BTP/KTrVB tại Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này), lập Hồ sơ về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật trình Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn xem xét, xử lý.

Hồ sơ bao gồm: Văn bản được kiểm tra, văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định dấu hiệu trái pháp luật của văn bản được kiểm tra, phiếu kiểm tra văn bản và các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

b) Giám đốc Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ trì soạn thảo, trình văn bản về các nội dung có dấu

hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp của văn bản được kiểm tra. Khi nhận được văn bản thông báo của Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm phối hợp, chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp; có ý kiến bằng văn bản về các nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp, các biện pháp xử lý gửi Sở Tư pháp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Giám đốc Sở Tư pháp.

Trường hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh khi thực hiện giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp thì có trách nhiệm thông báo cho Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn, các cơ quan liên quan trao đổi để thống nhất những nội dung có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp, thống nhất các biện pháp xử lý.

c) Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan chuyên môn đã chủ trì soạn thảo, trình ban hành văn bản trái pháp luật tổ chức xây dựng dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời.

Điều 10. Công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kết quả xử lý quyết định, chỉ thị trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh được công bố công khai, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng công báo, trên trang thông tin điện tử của tỉnh chậm nhất là sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định xử lý.

Văn bản xử lý quyết định, chỉ thị trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản đã được gửi. Trường hợp xử lý văn bản theo yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan thông tin đại chúng; theo thông báo của Cục trưởng Cục kiểm tra văn bản thuộc Bộ Tư pháp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thì phải gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan thông tin đại chúng đã có yêu cầu, kiến nghị; thông báo kết quả xử lý cho Cục trưởng Cục kiểm tra văn bản thuộc Bộ Tư pháp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

Chương III

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN

Mục 1

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 11. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc kiểm tra văn bản

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

Việc kiểm tra do Giám đốc Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm gửi văn bản đến cơ quan kiểm tra

Trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải gửi đến Sở Tư pháp để thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền, đồng thời gửi cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về ngành, lĩnh vực mà văn bản điều chỉnh để phối hợp thực hiện kiểm tra.

Điều 13. Phân công và thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền

Giám đốc Sở Tư pháp phân công và chỉ đạo phòng chuyên môn thực hiện việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền, thực hiện mở "Sổ văn bản đến" (theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này) để theo dõi việc tiếp nhận văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến để kiểm tra theo thẩm quyền hoặc giao cho Cộng tác viên thực hiện kiểm tra văn bản theo hình thức khoán việc hoặc hợp đồng có thời hạn.

Người kiểm tra văn bản có trách nhiệm thực hiện kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này để xem xét, đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản được kiểm tra.

Điều 14. Xử lý kết quả kiểm tra theo thẩm quyền

1. Trường hợp văn bản được kiểm tra phù hợp với quy định của pháp luật:

Người kiểm tra văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

2. Trường hợp văn bản được kiểm tra có dấu hiệu trái pháp luật:

a) Người kiểm tra văn bản phải lập “Phiếu kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật” và lập Hồ sơ về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, xử lý.

b) Sau khi xem xét hồ sơ về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp có văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về ngành, lĩnh vực của văn bản được kiểm tra tham gia ý kiến vào kết quả kiểm tra văn bản, thống nhất những nội dung có dấu hiệu trái pháp luật.

Khi nhận được văn bản đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn có trách nhiệm phối hợp, chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật; có ý kiến bằng văn bản về các nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp gửi Sở Tư pháp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

c) Giám đốc Sở Tư pháp ra văn bản thông báo (theo quy định tại khoản 7, Điều 9 Thông tư số 20/2010/TT-BTP) cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật. Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức tự kiểm tra, xử lý bằng các hình thức quy định tại Mục 5 Chương III Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và thông báo kết quả xử lý cho Sở Tư pháp trong thời hạn 30 (ba mươi ngày), kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Giám đốc Sở Tư pháp.

d) Trường hợp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản có dấu hiệu trái pháp luật không tự kiểm tra và xử lý theo thời hạn quy định, không thông báo kết quả xử lý hoặc Giám đốc Sở Tư pháp không nhất trí với kết quả xử lý của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh hủy bỏ hoặc bãi bỏ.

Hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Báo cáo của cơ quan kiểm tra văn bản; văn bản được kiểm tra; cơ sở pháp lý để kiểm tra; phiếu kiểm tra văn bản; ý kiến của các cơ quan (nếu có); các công văn thông báo của Sở Tư pháp; các

văn bản giải trình, thông báo kết quả tự kiểm tra, xử lý của cơ quan có văn bản được kiểm tra và các tài liệu khác có liên quan.

Điều 15. Công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện

Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành phải được niêm yết tại trụ sở cơ quan ban hành hoặc các địa điểm khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chậm nhất là sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định xử lý.

Văn bản xử lý nghị quyết, quyết định, chỉ thị trái pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản đã được gửi. Trường hợp xử lý văn bản theo yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan thông tin đại chúng; theo thông báo của Giám đốc Sở Tư pháp thì phải gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan thông tin đại chúng đã có yêu cầu, kiến nghị; thông báo kết quả xử lý cho Giám đốc Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

Điều 16. Kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thông báo cho cơ quan có văn bản được kiểm tra biết và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

Cơ quan có văn bản được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung, yêu cầu theo kế hoạch kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra thì Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất thành phần Đoàn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

Đoàn kiểm tra liên ngành có trách nhiệm gửi thông báo trước 10 (mười) ngày làm việc cho cơ quan có văn bản được kiểm tra về kế hoạch, chương trình, nội dung kiểm tra, tài liệu và các điều kiện cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra để cơ quan có văn bản được kiểm tra chuẩn bị và phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành trong việc thực hiện kiểm tra văn bản.

3. Quy trình kiểm tra:

a) Cơ quan có văn bản được kiểm tra có trách nhiệm tiến hành tự kiểm tra, xây dựng báo cáo kết quả tự kiểm tra, tập hợp các văn bản thuộc phạm vi kiểm tra gửi Sở Tư pháp theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra trước khi Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra trực tiếp.

b) Trưởng Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra các văn bản theo quy định.

c) Đoàn kiểm tra báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả kiểm tra văn bản và gửi kết luận kiểm tra đến cơ quan có văn bản được kiểm tra.

4. Việc xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật qua công tác kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực được thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

Mục 2

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN CÓ CHỨA QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH KHÔNG ĐÚNG HÌNH THỨC, THẨM QUYỀN

Điều 17. Văn bản được kiểm tra

Văn bản được kiểm tra là các văn bản có chứa quy phạm pháp luật ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 1 Quy chế này.

Việc kiểm tra các văn bản này được thực hiện khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và của các cơ quan thông tin đại chúng hoặc trong trường hợp do cán bộ, công chức cơ quan kiểm tra văn bản tự phát hiện trong quá trình kiểm tra văn bản.

Điều 18. Tổ chức thực hiện kiểm tra, xử lý văn bản có chứa quy phạm pháp luật ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên tiến hành tự kiểm tra các văn bản do cơ quan, đơn vị mình ban hành để kịp thời phát hiện và xử lý văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị mình ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền hoặc khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Trường hợp nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các phương tiện thông tin đại chúng về văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị mình ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền mà Thủ trưởng cơ quan chuyên môn không tổ chức tự kiểm tra, xử lý thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phương tiện thông tin đại chúng kiến nghị Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, tổ chức việc tự kiểm tra, xử lý văn bản hoặc xem xét báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp theo quy định tại Điều 25 Mục 4 Chương III của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Việc kiểm tra, xử lý đối với văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành được thực hiện theo quy định tại Điều 25, 26 Mục 4 Chương III Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm tra và xử lý văn bản; xây dựng đội ngũ cộng tác viên kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 40 Nghị định 40/2010/NĐ-CP để giúp thực hiện công tác kiểm tra văn bản.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp:

a) Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành có nội dung quy định về lĩnh vực quản lý của ngành, đơn vị.

Khi nhận được văn bản đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp về việc phối hợp kiểm tra, thống nhất nội dung có dấu hiệu trái pháp luật của văn bản được kiểm tra thì

có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

c) Quản lý công tác viên kiểm tra văn bản do cơ quan, đơn vị cử, tạo điều kiện cho công tác viên kiểm tra văn bản thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra văn bản.

2. Thực hiện kiểm tra và xử lý các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị mình ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền.

3. Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tự kiểm tra văn bản theo ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

4. Cử thành viên tham gia Đoàn kiểm tra văn bản theo đề nghị của Sở Tư pháp.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo các bộ, ngành chủ quản theo yêu cầu.

6. Kịp thời cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết cho Sở Tư pháp để phục vụ cho công tác kiểm tra. Giải trình về nội dung văn bản do cơ quan, đơn vị soạn thảo, trình theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

Điều 21. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hội đồng nhân dân cấp huyện

a) Thường xuyên tự kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do cơ quan mình ban hành.

Tổ chức tự kiểm tra và xử lý đối với những văn bản có dấu hiệu trái pháp luật khi nhận được thông báo của Giám đốc Sở Tư pháp hoặc yêu cầu, kiến nghị của Đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực; cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan thông tin đại chúng.

b) Phối hợp, tạo điều kiện cho cơ quan kiểm tra văn bản, Đoàn kiểm tra văn bản khi tiến hành kiểm tra văn bản do cơ quan mình ban hành. Giải trình về nội dung văn bản theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản, Đoàn kiểm tra văn bản.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

b) Ban hành Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản tại địa phương.

c) Bố trí, bảo đảm kinh phí và các điều kiện khác để thực hiện công tác kiểm tra,

xử lý văn bản theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN

Điều 22. Tổ chức và quản lý đội ngũ làm công tác kiểm tra văn bản

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phòng pháp chế, công chức pháp chế chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra và xử lý văn bản.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng đội ngũ Cộng tác viên kiểm tra văn bản; phối hợp với các cơ quan có Cộng tác viên để quản lý và sử dụng đội ngũ Cộng tác viên kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

Điều 23. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản

Kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Liên Bộ Tài chính- Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 68/2011/NQ-HĐND ngày 15/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 28/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 24. Xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, xử lý văn bản

Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định tại Điều 42 của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và Điều 15 Thông tư số 20/2010/TT-BTP.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Chế độ báo cáo

Định kỳ 06 (sáu) tháng, hàng năm các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thành phố gửi báo cáo về tình hình kiểm tra và xử lý văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tư pháp để tổng hợp theo quy định.

Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo 06 (sáu) tháng và hàng năm về tình hình kiểm tra và xử lý văn bản trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác về kiểm tra và xử lý văn bản không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp đề tổng hợp, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Vy Văn Thành

Phụ lục 2- Mẫu số: 01/BTP/KTrVB**PHIẾU KIỂM TRA VĂN BẢN CÓ DẤU HIỆU TRÁI PHÁP LUẬT**

Người kiểm tra văn bản:

Cơ quan/đơn vị công tác:

Văn bản được kiểm tra*:

STT**	Dấu hiệu trái pháp luật	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của người kiểm tra	
			Về dấu hiệu trái pháp luật	Đề xuất xử lý
1.				
2.				
...				

Người kiểm tra ***

* Ghi rõ tên, số, ký hiệu: ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành và trích yếu văn bản

** Ghi lần lượt các dấu hiệu trái pháp luật

*** Người kiểm tra ký, ghi rõ họ, tên.

TÊN CƠ QUAN LẬP SỔ THEO DÕI

**SỔ THEO DÕI XỬ LÝ VĂN BẢN
CÓ DẤU HIỆU TRÁI PHÁP LUẬT**

NĂM:

SỔ THEO DÕI XỬ LÝ VĂN BẢN CÓ DẤU HIỆU TRÁI PHÁP LUẬT

STT	Văn bản có dấu hiệu trái pháp luật*	Đề xuất xử lý				Kết quả xử lý		Ghi chú
		Văn bản đề xuất**	Nội dung đề xuất	Người ký	Cơ quan/người có trách nhiệm xử lý	Văn bản xử lý***	Nội dung xử lý	
1								
2								
3								

* Ghi rõ tên, số, kí hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, tên cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản

** Ghi rõ tên, số, kí hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản đề xuất

*** Ghi rõ tên, số, kí hiệu, ngày, tháng năm ban hành, người ký văn bản xử lý.